|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2020/NĐ-CP  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC,**

**THẨM QUYỀN CẤP, THU HỒI, HỦY GIÁ TRỊ SỬ DỤNG**

**GIẤY THÔNG HÀNH**

*Căn cứ Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành đối với công dân Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cáccơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân Việt Nam.

**Điều 3. Phạm vi sử dụng của giấy thông hành**

 1. Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào có giá trị sử dụng trong phạm vi tỉnh biên giới đối diện của Lào tiếp giáp Việt Nam.

2. Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia có giá trị sử dụng trong phạm vi tỉnh biên giới đối diện của Cămpuchia tiếp giáp Việt Nam.

3. Giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có giá trị sử dụng trong phạm vi vùng biên giới đối diện của Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam.

**Điều 4. Ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành**

1. Người đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân có thể ủy quyền cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó nộp hồ sơ và nhận kết quả thay.

2. Trường hợp người đang làm việc tại doanh nghiệp đề nghị cấp giấy thông hành thì trước khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp đó phải gửi cho cơ quan cấp giấy thông hành 01 bộ hồ sơ pháp nhân, gồm:

a) Bản sao hoặc bản chụp có chứng thực quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nếu bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

b) Văn bản giới thiệu mẫu con dấu và mẫu chữ ký của người đại diện theo pháp luật củadoanh nghiệp.

3. Việc gửi hồ sơ pháp nhân nêu tại khoản 2 Điều này chỉ thực hiện một lần, khi có sự thay đổi nội dung trong hồ sơ thì doanh nghiệp gửi văn bản bổ sung.

**Chương II**

**CẤP GIẤY THÔNG HÀNH**

**Điều 5. Đối tượng được cấp giấy thông hành**

1. Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Campuchia gồm cán bộ, công chức, viên chức, công nhân đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia được cử sang tỉnh biên giới đối diện của Campuchia công tác.

2. Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Lào

a) Công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào;

b) Công dân Việt Nam không có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh có chung đường biên giới với Lào nhưng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào.

3. Đối tượng được cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc

a) Công dân Việt Nam thường trú tại các xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc;

b) Cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc được cử sang vùng biên giới đối diện của Trung Quốc để công tác.

**Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành**

1. 01 tờ khai theo mẫu M01 ban hành kèm theo Nghị định này đã điền đầy đủ thông tin. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì tờ khai phải có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý; trường hợp là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ Luật dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thì tờ khai phải có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của Trưởng công an phường, xã, thị trấn nơi người đó thường trú.

2. 02 ảnh chân dung.

3. Giấy tờ khác đối với các trường hợp dưới đây:

a) Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

b) Bản chụp có chứng thựcgiấy tờ do cơ quan có thẩm quyềncủa Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

c) Giấy thông hành đã được cấp, nếu còn giá trị sử dụng;

d) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với trường hợp ủy quyền nộp hồ sơ.

**Điều 7. Nơi nộp hồ sơ**

1. Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Campuchia nộp hồ sơ tại cơquan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở.

2. Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Lào nộp hồ sơ tại cơquan Quản lý xuất nhập cảnh Công antỉnh có chung đường biên giới với Lào nơi người đó có hộ khẩu thường trú hoặc nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở.

3. Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định này nộp hồ sơ tại Công an xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc nơi người đó có hộ khẩu thường trú.

4. Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 nộp hồ sơ tại Công an huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc nơi cơ quan người đó có trụ sở.

**Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết**

1. Người đề nghị cấp giấy thông hành nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Khi nộp hồ sơ, người đề nghị phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân còn giá trị sử dụng để đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ tại Công an xã, phường, thị trấn nơi đang tạm trú thì xuất trình thêm sổ tạm trú để kiểm tra, đối chiếu.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được ủy quyền nộp hồ sơ và nhận kết quả thì người được cử đi nộp hồ sơ xuất trình giấy giới thiệu, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân còn giá trị sử dụng của bản thân và của người ủy quyền để kiểm tra, đối chiếu.

4. Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ Luật dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thông qua người đại diện hợp pháp của mình làm thủ tục.

5. Người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành; kiểm tra, đối chiếu; thu lệ phí và cấp giấy hẹn trả kết quả.

6. Người đề nghị cấp giấy thông hành phải nộp lệ phí; nếu có yêu cầu nhận kết quả tại địa điểm khác với cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này thì phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

**Điều 9. Thẩm quyền giải quyết**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơquan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia, Công an tỉnh có chung đường biên giới với Lào cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Công an xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Công an cấp huyện, thị xã, thành phố tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc cấp giấy thông hành và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

**Chương III**

**THU HỒI, HỦY GIÁ TRỊ SỬ DỤNG GIẤY THÔNG HÀNH**

**Điều 10. Các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành**

1. Giấy thông hành còn thời hạn bị mất.

2. Giấy thông hành đã cấp cho người thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

**Điều 11. Hủy giá trị sử dụng giấy thông hành còn thời hạn bị mất**

1. Trường hợp bị mất giấy thông hành ở trong nước, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành trực tiếp nộp hoặc gửi đơn trình báo báo mất giấy thông hành theo mẫu M02 ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan cấp giấy thông hành. Nếu vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng.

2. Trường hợp bị mất giấy thông hành ở nước ngoài, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện bị mất giấy thông hành, người bị mất giấy thông hành phải báo cho cơ quan chức năng của nước sở tại để làm các thủ tục xác nhận việc mất giấy thông hành và được tạo điều kiện cho xuất cảnh; khi về nước phải trình báo về việc mất giấy thông hành với đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh của Việt Nam tại cửa khẩu.

3. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu có trách nhiệm tiếp nhận trình báo của người bị mất giấy thông hành ở nước ngoài và cấp giấy chứng nhận nhập cảnh theo mẫu M03 ban hành kèm theo Nghị định này cho người bị mất giấy thông hành.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn trình báo mất giấy thông hành hoặc giấy chứng nhận nhập cảnh của đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu, cơ quan cấp giấy thông hành thực hiện việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành bị mất và thông báo cho bộ đội biên phòng tỉnh nơi công dân được cấp giấy thông hành.

**Điều 12. Thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành của người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm**

1. Khi có căn cứ xác định người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, cơ quan cấp giấy thông hành kiểm tra, yêu cầu người đã được cấp giấy thông hành nộp lại giấy thông hành còn thời hạn để hủy giá trị sử dụng.

2. Trường hợp không thu hồi được giấy thông hành còn thời hạn thì cơ quan cấp giấy thông hành thực hiện việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và thông báo cho bộ đội biên phòng tỉnh nơi công dân được cấp giấy thông hành.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Thông tư số 42/2011/TT-BCA ngày 29/06/2011 của Bộ Công an hướng dẫn cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Campuchia cho cán bộ, viên chức, công nhân Việt Nam sang Campuchia và Thông tư số 67/2013/TT-BCA ngày 11/12/2013 của Bộ Công an hướng dẫn cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới cho công dân Việt Nam qua lại biên giới Việt Nam - Trung Quốc hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Các nội dung hướng dẫn việc cấp giấy thông hành biên giới cho công dân Việt Nam sang Lào quy định tại Thông tư số 41/2011/TT-BCA ngày 29/06/2011 của Bộ Công an hướng dẫn cấp giấy thông hành biên giới cho công dân Việt Nam sang Lào và giấy phép đến các tỉnh, thành phố của Việt Nam cho công dân Lào hết hiệu lực từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

**Điều 14. Quy định chuyển tiếp**

Giấy thông hành đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong Giấy thông hành.

**Điều 15.** **Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và Ủy ban nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới đất liền với Lào, Campuchia, Trung Quốc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGÐ Cổng TTÐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lýu: VT, CN (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |  |  |

|  |
| --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |